TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2023/QĐST-KDTM	*Đ, ngày 20 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2023/TLST-KDTM ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 T, phường C, quận H, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh K

Địa chỉ: Số 72 Lê Hồng P, phường Q, thành phố K, tỉnh K

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thái Kiên – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Đ - Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh K.

Địa chỉ: Thôn 16/5 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K.

- Đồng bị đơn*:*

+ Bà Y T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn 14A, xã Đăk P, huyện Đ, tỉnh K.

+ Ông Tống Công M, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn i, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông A D, sinh năm 1951;

+ Bà Y T, sinh năm 1955;

Cùng địa chỉ tại Thôn 14A, xã Đăk P, huyện Đ, tỉnh K.

+ Đại diện theo ủy quyền của ông A D và bà Y T: Bà Y T, sinh năm 1977, địa chỉ tại Thôn 14A, xã Đăk P, huyện Đ, tỉnh K.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ, thời gian trả nợ và xử lý tài sản thế chấp:

Tính đến hết ngày 12/6/2023, bà Y T và ông Tống Công M còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền là: **307.638.408 đồng** *(Ba trăm lẻ bảy triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm lẻ tám đồng).* Trong đó: nợ gốc quá hạn là 278.550.000 đồng, lãi quá hạn: 2.550.944 đồng, lãi chậm trả gốc: 26.389.998 đồng, lãi chậm trả lãi:147.466 đồng.

Chậm nhất là đến hết ngày 30/7/2023, bà Y T và ông Tống Công M có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B tổng số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 12/6/2023 là 307.638.408 đồng *(Ba trăm lẻ bảy triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm lẻ tám đồng)* và lãi suất phát sinh trên số dư nợ còn lại kể từ ngày 13/6/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HDTD90C2021343 ngày 13/12/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Nếu đến thời hạn theo thỏa thuận mà Y T và ông Tống Công M không trả hoặc trả chưa hết khoản tiền nợ còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa số 131, tờ bản đồ số 5, diện tích 170 m^2 (Một trăm bảy mươi mét vuông), tại thôn 14A, xã Đăk P, huyện Đ, tỉnh K, giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC179662, được UBND huyện Đ tỉnh K cấp ngày 11 tháng 3 năm 2019, vào sổ cấp GCN số CH01788, chủ sử dụng đất là ông A D và bà Y T, địa chỉ: Thôn 14A, xã Đăk P, huyện Đ, tỉnh K; theo hợp đồng thế chấp số 10/2019/HĐTC/PGDDAKGLEI ngày 31/12/2019 được ký kết giữa Ngân hàng Bưu điện Liên Việt – Phòng giao dịch huyện Đ và ông A D, bà Y T để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo quy định pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ, buộc bà Y T và ông Tống Công M tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số HDTD90C2021343 ngày 13/12/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi.

2.2. Về chi phí tố tụng và chi phí lập sơ đồ trích lục thửa đất:

Bà Y T và ông Tống Công M phải trả cho cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và số tiền 925.004 đồng *(Chín trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm lẻ bốn đồng)*

chi phí lập sơ đồ trích lục thửa đất.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bà Y T và ông Tống Công M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.690.960 đồng *(Bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn chín trăm sáu mươi đồng).*

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 7.262.000 đồng *(Bảy triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003488 ngày 19/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Y Trinh